

THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG

| | HSX | HNX |
|---------------------------|----------|--------|
| Giá đóng cửa | 1,813.40 | 265.18 |
| Thay đổi | 6.90 | 4.79 |
| Thay đổi % | 0.38% | 1.84% |
| KLGD (Triệu CP) | 986.0 | 90.3 |
| GTGD (Tỷ) | 33,239 | 2,358 |
| Độ rộng thị trường | | |
| CP tăng giá | 191 | 90 |
| CP giảm giá | 127 | 60 |
| CP tham chiếu | 62 | 71 |
| P/E | 14.68 | 1.70 |
| P/B | 2.15 | 2.15 |

Thanh khoản HSX



Chỉ số phái sinh

| Phái sinh | Đóng cửa | Thay đổi | Basis | OI |
|-----------|----------|----------|--------|--------|
| VN30 | 1,997.7 | -6.62 | 640.69 | 54,573 |
| VN30F1M | 1,357.0 | +1,5 | | |



Nguồn: Fireant

XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

Diễn biến chỉ số và ưu thế cung cầu Thị trường ghi nhận một phiên "xanh vờ" nhẹ nhưng thực tế là một chiến thắng rực rỡ của **bên Mua ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ**. VN-Index đóng cửa tăng **6,9 điểm (+0,38%)** lên 1.813,4 điểm. Dù các chỉ số chính bị kéo lùi đáng kể so với mức đỉnh trong phiên do áp lực từ nhóm trụ, độ rộng thị trường vẫn rất tích cực với 191 mã tăng/128 mã giảm trên HoSE. Nhà đầu tư đã chủ động "bỏ qua" biến động điểm số để tập trung săn đón các cơ hội cụ thể ở nhóm Midcap và Smallcap.

Các nhóm ngành dẫn dắt Thị trường chứng khoán hôm nay chứng kiến sự phân cực cực đoan.

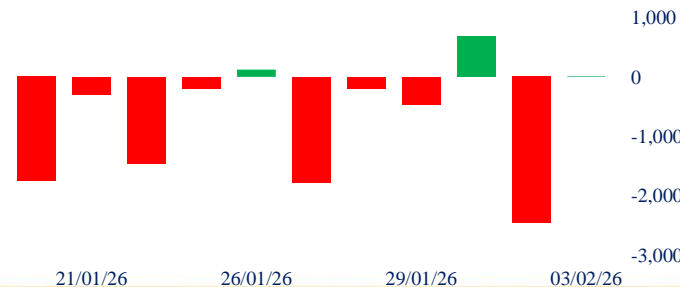
Nhóm gây áp lực (Giảm): Các siêu trụ như **VCB, BID, GAS** trượt dốc mạnh trong phiên chiều, trực tiếp thu hẹp đà tăng của index.

Nhóm bùng nổ (Tăng): Nhóm **Midcap (+1,78%)** trở thành tâm điểm với hàng loạt mã tăng trần như **KBC, GMD, GEX, DGW, VGC, PET, CTD, BVH**. Ngoài ra, nhóm Dịch vụ viễn thông (**VGI, CTR**) và Bất động sản khu công nghiệp (**SZC**) cũng duy trì vị thế dẫn đầu mạnh mẽ.

Phân tích dòng tiền Thanh khoản khớp lệnh sàn HoSE đạt mức cao nhất 9 phiên với hơn **30.781 tỷ đồng**. Dòng tiền có sự chuyển dịch rõ rệt: trong khi thanh khoản rổ VN30 giảm 2%, thì rổ Midcap lại tăng vọt 15% (đạt mức cao nhất 14 phiên). Nhóm tăng giá từ 1% trở lên chiếm 34% thanh khoản sàn, xác nhận **dòng tiền chủ động mua đuổi giá cao** ở những mã có câu chuyện riêng biệt thay vì dàn trải ở nhóm Blue-chips.

Giao dịch khối ngoại Khối ngoại tiếp tục bán ròng **625,6 tỷ đồng** trên HoSE, dù áp lực đã thu hẹp so với phiên trước. Họ xả mạnh **VIC, PNJ, VCB** và **MWG**, trong khi vẫn mua ròng tích cực tại **HPG (+249 tỷ)** và **MBB (+139 tỷ)**.

Giao dịch nước ngoài 10 phiên HSX



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Việc chỉ số xây nền" thành công trên ngưỡng tâm lý 1.800 điểm cho thấy lực cầu bắt đáy vẫn duy trì tích cực tại vùng giá thấp. Tuy nhiên, thị trường vẫn dao động dưới đường SMA20 (vùng 1.850-1.860), báo hiệu xu hướng ngắn hạn chưa hoàn toàn thoát khỏi pha điều chỉnh.

RSI đang hồi phục từ vùng trung tính, nhà đầu tư nên tránh tâm lý mua đuổi (FOMO) khi chỉ số tiệm cận kháng cự. Chiến lược tối ưu lúc này là kiên nhẫn tích lũy các mã dẫn dắt trong nhịp rung lắc, đồng thời giữ tỷ trọng danh mục ở mức 50-80% để quản trị rủi ro, chờ đợi tín hiệu xác nhận xu hướng rõ nét hơn.

VN-Index sẽ cần vượt qua 1840 để xác nhận tạo đáy thành công

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Tỷ trọng được khuyến nghị duy trì quanh 50%. Chiến lược được khuyến nghị là mua những cổ phiếu gần nền thay vì mua vào phiên bùng nổ. Dòng tiền bắt đầu năng động trở lại chúng ta sẵn sàng tăng tỷ trọng. Hiện tại VN-Index có dấu hiệu tạo đáy quanh 1800.

Kịch bản 1 (50%): VNIndex Tạo đáy và đi ngang biên độ 1800-1900

Kịch bản 2 (50%): VNIndex tiếp tục giảm về vùng biên dưới quanh mốc 1700 sau đó tạo đáy bật mạnh mẽ trở lại.



Tăng giảm nhóm ngành

| Ngành | Ngày | Tháng |
|-----------------------------|--------|---------|
| Dầu khí | -0.57% | 54.05% |
| Hóa chất | 2.03% | 36.52% |
| Tài nguyên Cơ bản | 0.72% | 1.14% |
| Xây dựng và Vật liệu | 1.72% | 3.49% |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 4.43% | -9.47% |
| Ô tô và phụ tùng | 0.66% | -0.98% |
| Thực phẩm và đồ uống | 0.44% | 1.95% |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 1.30% | 16.53% |
| Y tế | 0.71% | 3.66% |
| Bán lẻ | -1.31% | 9.02% |
| Truyền thông | 1.02% | 3.49% |
| Du lịch và Giải trí | -0.20% | -6.83% |
| Điện, nước & xăng dầu khí đ | 1.37% | 34.31% |
| Ngân hàng | -0.10% | 11.01% |
| Bảo hiểm | 5.87% | 25.59% |
| Bất động sản | 0.08% | -17.58% |
| Dịch vụ tài chính | 0.79% | 2.69% |
| Công nghệ Thông tin | -0.31% | 8.44% |

Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



Top NN mua ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|--------------|------------|
| HPG | 26.75 | 0.20 / 0.75% | 32,549,500 |
| MBB | 27.7 | 0.40 / 1.47% | 51,617,700 |
| GEX | 37.45 | 2.45 / 7.00% | 11,747,100 |
| SHB | 15.8 | 0.05 / 0.32% | 54,821,856 |
| NVL | 12.85 | 0.00 / 0.00% | 6,529,600 |

Top NN bán ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|----------------|------------|
| ACB | 23.7 | -0.05 / -0.21% | 19,176,100 |
| POW | 14.3 | -0.05 / -0.35% | 24,296,600 |
| VCB | 71.8 | 0.30 / 0.42% | 15,235,700 |
| DXG | 15.25 | 0.05 / 0.33% | 12,362,400 |
| VRE | 28.4 | 0.30 / 1.07% | 7,841,900 |

Giao dịch cổ đông lớn và nội bộ

| Mã | Tên | Vị trí | Ngày | Đăng ký | Khối lượng |
|-----|----------------------|--|------------|---------|------------|
| SSB | Nguyễn Thị Thu Hương | Phó Tổng Giám đốc | 03/02/2026 | Bán | 400,000 |
| SMC | Nguyễn Quang Trung | Tổng Giám đốc | 03/02/2026 | Bán | 1,000,000 |
| TDP | Ngô Kim Dung | --- | 02/02/2026 | Mua | 1,350,874 |
| HHV | Saibu Gas Co., Ltd. | --- | 02/02/2026 | Mua | 0 |
| TDP | Trần Đăng Duy | Thành viên Hội đồng Quản trị/Phó Tổng Giám đốc | 02/02/2026 | Bán | 679,217 |

TIN TỨC

Trong nước

[Việt Nam trước cơ hội nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia](#)
[Gỡ vướng thủ tục xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ](#)
[Đề xuất mở rộng khu TM tự do gắn với sân bay Long Thành](#)
[Hướng tới GDP 10%](#)

Doanh nghiệp

[Gemadepit lãi đậm](#)
[MSR ghi nhận bước ngoặt năm 2025](#)
[Cổ phiếu DHC bay cao](#)
[VNZ lập kỷ lục doanh thu trên 10 ngàn tỷ, giảm mạnh lỗ](#)

TIN TỨC

Thế giới

[Dow Jones tăng hơn 500 điểm khởi đầu tháng 2](#)
["Cá voi" MicroStrategy bắt đầu lỗ khi Bitcoin lao dốc](#)
[Mỹ hoãn công bố báo cáo việc làm tháng 1/2026](#)
[Mỹ và Ấn Độ đạt thỏa thuận thương mại](#)

Hàng hóa

[Giá vàng đảo chiều tăng mạnh](#)
[Trước giờ G, DN hiến kế giảm giá xăng sinh học E10](#)
[Giá dầu giảm 5% khi căng thẳng Mỹ-Iran hạ nhiệt](#)

Top 10 khối lượng giao dịch HSX

| | Khối lượng giao dịch | Thay đổi |
|----|----------------------|---------------------|
| 1 | SHB | 54,821,856 / 0.32% |
| 2 | MBB | 51,617,700 / 1.47% |
| 3 | VIX | 36,625,400 / 3.65% |
| 4 | HPG | 32,549,500 / 0.75% |
| 5 | HDB | 31,251,300 / -0.90% |
| 6 | SSI | 27,752,800 / 0.32% |
| 7 | KHG | 26,218,000 / -0.59% |
| 8 | POW | 24,296,600 / -0.35% |
| 9 | CTG | 24,149,600 / 0.89% |
| 10 | BSR | 23,964,600 / 0.00% |

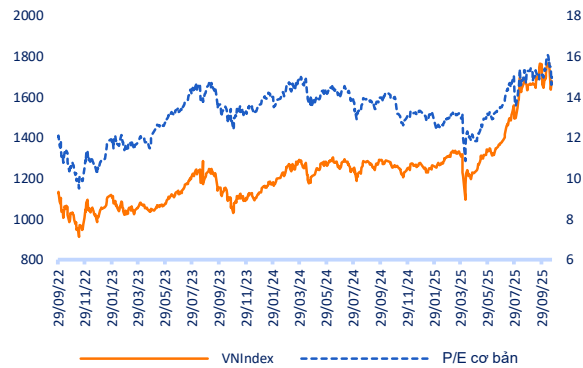
Giá hàng hóa

| | Đóng cửa | Thay đổi | % |
|--------------|----------|----------|--------|
| Vàng | 4955.7 | 303.10 | 6.51% |
| Bạc | 87.57 | 10.56 | 13.71% |
| Đồng | 6.07 | 0.25 | 4.24% |
| Dầu thô | -0.46 | -0.01 | -0.68% |
| Dầu Brent | 65.71 | -0.59 | -0.89% |
| Khí Tự nhiên | 3.257 | 0.02 | 0.62% |
| Khí đốt | 2.3482 | -0.01 | -0.49% |
| Đường | 14.29 | 0.03 | 0.21% |
| Heo nạc | 87.75 | 0.50 | 0.57% |
| Cà phê | 335.25 | 2.00 | 0.60% |

Tỷ giá hối đoái

| | Thay đổi | Tỷ giá NHNN | |
|---------|-----------------|-------------|--------|
| | | Mua | Bán |
| USD/VND | 25790 / 0.00% | USD 23,866 | 26,272 |
| EUR/VND | 29917 / -0.39% | EUR 28,109 | 31,068 |
| GBP/VND | 34659 / 0.02% | GBP 32,570 | 35,999 |
| USD/VND | 161.00 / -0.62% | JPY 153 | 169 |
| AUD/VND | 32558 / -0.73% | CHF 30,584 | 33,803 |

Định giá thị trường





THỊ TRƯỜNG TẠO NỀN QUANH HỖ TRỢ QUAN TRỌNG

Bản tin ngày 03/02/2026

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | HPG | 26.75 | 27.3 | 12/01/2026 | 32.5 | 26 | -2.0% | MUA |
| 2 | HAH | 59.40 | 59 | 20/01/2026 | 70.8 | 55.6 | 0.7% | MUA |
| 3 | VNM | 71.60 | 70 | 29/01/2026 | 81.8 | 65.5 | 2.3% | MUA |
| 4 | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | | |

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | HPG | 26.90 | 22 | 08/10/2024 | 34 | 25 | 22.3% | Nắm giữ |
| 2 | TCB | 33.90 | 21.85 | 20/08/2024 | 38 | 20.8 | 55.1% | Nắm giữ |
| 3 | CTG | 35.20 | 35 | 19/09/2024 | 45 | 33 | 0.6% | Nắm giữ |
| 4 | KDH | 32.05 | 29.8 | 18/10/2024 | 40 | 23.5 | 7.6% | Nắm giữ |
| 5 | STB | 57.50 | 38.3 | 20/02/2025 | 50 | 35.4 | 50.1% | Nắm giữ |
| 6 | SZC | 28.90 | 41.7 | 21/02/2025 | 45.8 | 41.2 | -30.7% | Nắm giữ |
| 7 | KBC | 33.20 | 29.4 | 20/02/2025 | 35 | 26.7 | 12.9% | Nắm giữ |
| 8 | MWG | 87.00 | 54.1 | 21/02/2025 | 75 | 46 | 60.8% | Nắm giữ |
| 9 | FPT | 92.50 | 123.2 | 20/02/2025 | 190 | 90 | -24.9% | Nắm giữ |
| 10 | HAH | 59.50 | 53.3 | 21/02/2025 | 60 | 50 | 11.6% | Nắm giữ |
| 11 | DGC | 60.90 | 106 | 20/02/2025 | 116 | 90.6 | -42.5% | Nắm giữ |
| 12 | MSH | 33.15 | 40 | 21/02/2025 | 63 | 57 | -17.1% | Nắm giữ |
| 13 | VCG | 22.90 | 19.2 | 20/02/2025 | 27.2 | 18.9 | 19.3% | Nắm giữ |
| 14 | BCM | 59.60 | 51 | 05/05/2025 | 72 | 42 | 16.9% | Nắm giữ |
| 15 | MSN | 75.30 | 64.8 | 10/06/2025 | 84 | 59 | 16.2% | Nắm giữ |
| 16 | VPB | 28.15 | 20.15 | 10/07/2025 | 24 | 17.5 | 39.7% | Nắm giữ |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|----------|--------------|-------------|----------|------------------------|
|-----|-------------|---------|---------|----------|--------------|-------------|----------|------------------------|

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | HPG | 26.90 | 22 | 08/10/2024 | 34 | 25 | 22.3% | Nắm giữ |
| 2 | TCB | 33.90 | 21.85 | 20/08/2024 | 38 | 20.8 | 55.1% | Nắm giữ |
| 3 | CTG | 35.20 | 35 | 19/09/2024 | 45 | 33 | 0.6% | Nắm giữ |
| 4 | KDH | 32.05 | 29.8 | 18/10/2024 | 40 | 23.5 | 7.6% | Nắm giữ |
| 5 | STB | 57.50 | 38.3 | 20/02/2025 | 50 | 35.4 | 50.1% | Nắm giữ |
| 6 | SZC | 28.90 | 41.7 | 21/02/2025 | 45.8 | 41.2 | -30.7% | Nắm giữ |
| 7 | KBC | 33.20 | 29.4 | 20/02/2025 | 35 | 26.7 | 12.9% | Nắm giữ |
| 8 | MWG | 87.00 | 54.1 | 21/02/2025 | 75 | 46 | 60.8% | Nắm giữ |
| 9 | FPT | 92.50 | 123.2 | 20/02/2025 | 190 | 90 | -24.9% | Nắm giữ |
| 10 | HAH | 59.50 | 53.3 | 21/02/2025 | 60 | 50 | 11.6% | Nắm giữ |
| 11 | DGC | 60.90 | 106 | 20/02/2025 | 116 | 90.6 | -42.5% | Nắm giữ |
| 12 | MSH | 33.15 | 40 | 21/02/2025 | 63 | 57 | -17.1% | Nắm giữ |
| 13 | VCG | 22.90 | 19.2 | 20/02/2025 | 27.2 | 18.9 | 19.3% | Nắm giữ |
| 14 | BCM | 59.60 | 51 | 05/05/2025 | 72 | 42 | 16.9% | Nắm giữ |
| 15 | MSN | 75.30 | 64.8 | 10/06/2025 | 84 | 59 | 16.2% | Nắm giữ |
| 16 | VPB | 28.15 | 20.15 | 10/07/2025 | 24 | 17.5 | 39.7% | Nắm giữ |

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải |
|----------------------|--|
| MUA | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15% |
| NẮM GIỮ | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5% |
| BÁN | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5% |

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)**Hội sở Hồ Chí Minh**

Lầu 1 117 - 119 - 121 Nguyễn Du P, Bến Thành Q, 1 Thành phố HCM

Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 39288222 Fax: (84-4) 39338222

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

| | |
|-------------------|--|
| Nguyễn Minh Hoàng | Giám đốc phòng phân tích hoang.nguyenminh@vfs.com.vn |
| Nguyễn Hoàng Long | Chuyên viên phân tích long.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Mai | Chuyên viên phân tích mai.nguyen@vfs.com.vn |
| Nghiêm Bảo Nam | Chuyên viên phân tích nam.nghiem@vfs.com.vn |
| Lê Thị Ngọc | Chuyên viên phân tích ngoc.le@vfs.com.vn |
| Giang Việt Hoàng | Chuyên viên phân tích hoang.giang@vfs.com.vn |